

Hà Nội, ngày 05 tháng 01 năm 2018

Số: 06/TTCS - TTTT

V/v cung cấp số liệu thống kê
về lĩnh vực thông tin cơ sở

Kính gửi: Sở Thông tin và Truyền thông các tỉnh, thành phố
trực thuộc Trung ương

Thực hiện Quyết định số 689/QĐ-BTTTT ngày 10/5/2017 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Thông tin cơ sở;

Để có cơ sở đề xuất xây dựng các chính sách, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch hoạt động, xây dựng các tiêu chí, tiêu chuẩn chất lượng, định mức kinh tế - kỹ thuật, định mức chi phí, các cơ chế, chính sách về giá, khung giá dịch vụ sự nghiệp công... đối với lĩnh vực thông tin cơ sở trong thời gian tới, Cục Thông tin cơ sở xây dựng 05 Biểu mẫu thống kê (có gửi kèm), đề nghị Sở Thông tin và Truyền thông các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương phối hợp, triển khai cung cấp số liệu phục vụ công tác quản lý nhà nước về thông tin cơ sở như sau:

1. Hướng dẫn Phòng Văn hóa và Thông tin cấp huyện phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã rà soát, thống kê theo Biểu mẫu. File mềm có đăng trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Thông tin và Truyền thông, đường link cụ thể như sau: <http://mic.gov.vn/solieubaocao/Pages/TinTuc/136413/Bieu-mau-thong-ke-cac-hoat-dong-lien-quan-den-linh-vuc-thong-tin-co-so.html>

2. Tổng hợp số liệu thống kê của cấp tỉnh từ Phòng Văn hóa và Thông tin cấp huyện cung cấp và gửi bản file mềm về địa chỉ email: ntbhanh@mic.gov.vn trước ngày **28/02/2018**.

Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, đề nghị phản ánh về Cục Thông tin cơ sở (điện thoại liên hệ: 024.39.750.058) để giải đáp.

Trân trọng cảm ơn sự phối hợp của Quý Sở./. 

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thứ trưởng Hoàng Vĩnh Bảo (để b/c);
- Lãnh đạo Cục;
- Lưu: VT, BH(70).

CỤC TRƯỞNG



Nguyễn Văn Tạo

Biểu 1

SỐ LƯỢNG ĐÀI, TRẠM TRUYỀN THANH VÀ ĐỘI NGŨ NHÂN SỰ ĐÀI TRUYỀN THANH CẤP XÃ

(Tính đến ngày 31/12/2017)

S	T	T	Đơn vị cấp huyện thuộc tỉnh	Tổng số xã, phường, thị trấn	Tổng số Đài TT xã, phường, thị trấn	Tổng số Trạm truyền thanh thôn, bản	Tổng số người làm việc ở Đài Truyền thanh xã, phường, thị trấn	Trong đó		Trình độ đào tạo						Số đẩy		
								Chuyên trách	Kiểm nhiệm	Đại học trở lên	Cao đẳng	Trung cấp	Sơ					
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	
1	Huyện A																	
2	Huyện B																	
3	Huyện C																	
4	...																	
Tổng cộng:																		

Ghi chú: Cột 7 gồm viên chức và lao động hợp đồng; cột 8 là công chức văn hóa xã

Người lập biểu

Lãnh đạo xác nhận

(Ký tên, đóng dấu)

CƠ SỞ VẬT CHẤT VÀ HẠ TẦNG KỸ THUẬT CỦA ĐÀI TRUYỀN THANH CẤP XÃ
(Tính đến ngày 31/12/2017)

S	Đơn vị cấp huyện thuộc tỉnh	Máy tính		Máy ghi âm			Máy thu - phát sóng			Số lượng đài sử dụng phương thức phát thanh			Tỷ lệ phù song phát thanh/hộ gia đình (%)		
		Tổng số	Trong đó, có kết nối Internet	Số lượng (5 = 6 + 7 + 8)	Tình trạng		Số lượng (9 = 10 + 11 + 12)	Tình trạng		Có dây	Không dây	Dùng cả có dây và không dây			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)
1	Huyện A														
2	Huyện B														
3	Huyện C														
4	...														
Tổng cộng:															

Ghi chú: Đối với các cột từ cột 6 - 8 và 10 - 12: Đề nghị ghi số tương ứng với số lượng đài có hoạt động của huyện
Ví dụ: 3 đài của huyện A có số lượng máy ghi âm sử dụng được thì ghi số 3 vào cột 6 (6 F12).

Người lập biểu

Lãnh đạo xác nhận
(Ký tên, đóng dấu)

Biểu 3

TÌNH HÌNH SẢN XUẤT VÀ PHÁT SÓNG CHƯƠNG TRÌNH CỦA ĐÀI TRUYỀN THANH CẤP XÃ

(Tính đến ngày 31/12/2017)

S T T	Đơn vị cấp huyện thuộc tỉnh	Tổng số Đài Truyền thanh cấp xã	Các chương trình tự sản xuất										Số lần tiếp sóng/ngày							
			Số lượng chương trình (trung bình/tháng)	Số lần phát sóng/ngày			Thời lượng			Thời gian bắt đầu phát sóng/ngày						01 lần	02 lần	03 lần trở lên		
				01 lần	02 lần	03 lần trở lên	ít hơn 30 phút	Từ 30 phút đến dưới 1 tiếng	Trên 1 tiếng	5h - 6h	6h - 7h	11h - 12h	12h - 13h	16 - 17h	17h - 18h				18h - 19h	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	
1	Huyện A																			
2	Huyện B																			
3	Huyện C																			
4	...																			
Tổng cộng:																				

Ghi chú: Đối với các cột từ cột 5 đến cột 20: Đề nghị ghi số tương ứng với số lượng đài có hoạt động của huyện
Ví dụ: 3 đài của huyện A phát sóng chương trình tự sản xuất vào khung giờ 6h - 7h thì ghi số 3 vào cột 12 (ô L14).

Người lập biểu

Lãnh đạo xác nhận
(Ký tên, đóng dấu)

SỐ LIỆU VỀ BÁO CÁO VIÊN CƠ SỞ
(Tính đến ngày 31/12/2017)

STT	Đơn vị cấp huyện thuộc tỉnh	Tổng số xã, phường, thị trấn	Tổng số Báo cáo viên xã, phường, thị trấn	Trình độ chuyên môn			Trình độ chính trị	
				ĐH trở lên	Cao đẳng	Trung cấp	Cao cấp	Trung cấp
1	Huyện A							
2	Huyện B							
3	Huyện C							
4							
5							
6							
7							
....								
....								
....								
....								
Tổng cộng								

Người lập biểu

Lãnh đạo xác nhận
 (Ký tên, đóng dấu)

Biểu 5

**SỐ LIỆU VỀ BÁN TIN GIẤY, TRANG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ, BẢNG TIN ĐIỆN TỬ,
TỦ SÁCH PHÁP LUẬT CỦA XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN VÀ ĐIỂM BƯU ĐIỆN - VĂN HÓA XÃ**

(Tính đến ngày 31/12/2017)

STT	Đơn vị cấp huyện thuộc tỉnh	Tổng số xã, phường, thị trấn	Tổng số Bản tin giấy	Tổng số Trang thông tin điện tử	Tổng số Bảng tin điện tử	Tổng số Tủ sách pháp luật	Tổng số Điểm Bưu điện – Văn hóa xã
1	Huyện A						
2	Huyện B						
3	Huyện C						
4						
5						
...						
...						
Tổng cộng							

Người lập biểu

Lãnh đạo xác nhận
(Ký tên, đóng dấu)